

Số: 83/2018/QĐST-HNGĐ

Lục Ngạn, ngày 02 tháng 05 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ vào hồ sơ dân sự thụ lý số: 108/2018/TLST-HNGĐ ngày 24/04/2018 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **Vi Thị T** - sinh năm 1994.

- Trú quán: Thôn K - Xã T – Huyện LN – Tỉnh Bắc Giang.

* Bị đơn: Anh **Nông Văn T1** - Sinh năm 1990.

- Trú quán: Thôn K - Xã T – Huyện LN – Tỉnh Bắc Giang.

- Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24 tháng 04 năm 2018.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24/04/2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Vi Thị T và anh Nông Văn T1.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Vi Thị T và anh Nông Văn T1 cùng nhất trí thuận tình ly hôn.

Về con chung: Chị Vi Thị T và anh Nông Văn T1 cùng nhau thống nhất thỏa thuận sau khi ly hôn. Chị Vi Thị T có trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc con

chung là cháu Nông Thị Phương A - Sinh ngày 27/10/2011 và cháu Nông Ngọc A1 - Sinh ngày 15/01/2015. Việc cấp dưỡng nuôi con chung chị T, anh T1 tự thỏa thuận giải quyết, không đề nghị Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn anh T1 được quyền đi lại thăm nuôi hai con chung không ai được cản trở anh T1 thực hiện quyền này.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Vi Thị T và anh Nông Văn T1 không có tài sản chung, không liên quan vay nợ ai. Không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản, công nợ.

Về án phí: Áp dụng điều 147 BLTTDS, Điều 6, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Vi Thị T phải chịu 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại chị Thảo 150.000 đồng. Xác nhận chị T đã nộp 300.000 đồng tiền dự phí án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn theo biên lai thu số: **AA/2016/0003337** ngày 24/04/2018.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKSND huyện Lục Ngạn;
- CCTHADS huyện Lục Ngạn;
- UBND xã T, huyện LN;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Việt Hùng